

Bản tin chứng khoán

Trong số này

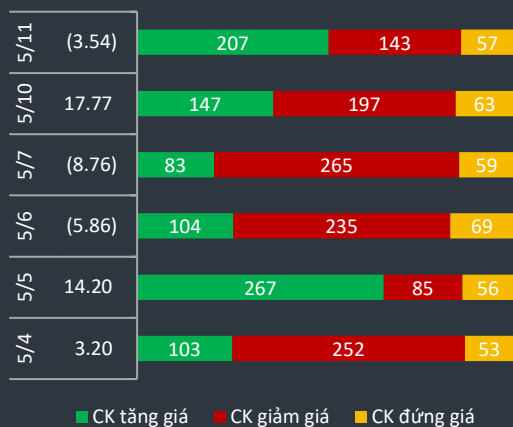
Nhận định **P.1**

Danh mục CP **P.2**

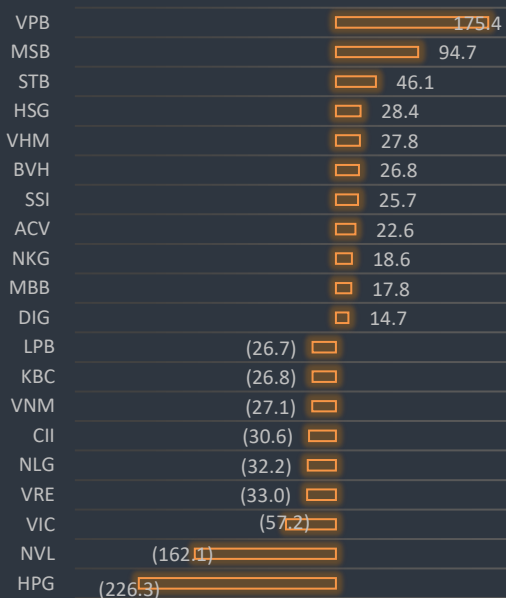
Tin Doanh nghiệp **P.3**

Bộ lọc CP **P.4**

Độ rộng thị trường



Giao dịch mua bán ròng khối ngoại (tỷ VND)



Thị trường phiên sáng tăng trưởng khá tích cực và kéo dài đến tận phiên chiều với chỉ số Vnindex có thời điểm tăng hơn 12 điểm lên 1272. Độ rộng thị trường cũng áp đảo với số mã tăng luôn trên 200 mã so với số mã giảm chỉ khoảng 140. Tuy nhiên càng về cuối phiên khi chỉ số Vnindex đã chạm lại vùng kháng cự cũ thì áp lực bán ra càng mạnh. Nhiều cổ phiếu trong Vn30 đảo chiều đã tác động tiêu cực đến chỉ số. Các cổ phiếu rõ VN30 giảm giá trên 2% hôm nay có REE, HDB, VRE, TCB. Sau phiên tăng trần lên 93 hôm qua, cổ phiếu VNM đảo chiều giảm gần -2% xuống còn 91.200 đồng/cp.

Nhóm cổ phiếu ngân hàng nổi bật nhất VIB tăng gần 4% cùng với một số cổ phiếu tạo sóng như EIB, MSB, STB, VPB. Dừng cuối phiên thị trường hạ nhiệt nhưng dòng tiền vẫn đổ vào nhóm bank nhiều nhất.

Nhóm bất động sản khởi sắc trong ngày và giữ giá xanh cho đến khi đóng cửa như DXG, DLG, LCG, DIG, SZC, HDG, AGG ... Một số cổ phiếu xây dựng như HBC còn tăng trần sau khi đã giảm -25% từ tháng 4 đến nay.

Nhóm cổ phiếu thép cũng bị bán mạnh trong ngày và đảo chiều từ xanh thành giảm mạnh cuối phiên với các mã như VGS, HSG, TLH, NKG, HPG với tỷ lệ mất giá từ 2%-4%. Nhà đầu tư chốt lời một phần khi giá nhiều cổ phiếu đã lập đỉnh lịch sử và một phần từ mối lo ngại sau khi thông tin chính phủ đang tìm giải pháp ghìm cương lại giá thép thị trường trong nước. Vấn đề giá thép tăng cao một phần nguyên nhân đến từ thị trường thép Trung Quốc khi nước này thắt chặt kiểm soát ô nhiễm; giảm hoàn thuế xuất khẩu từ 13% xuống 9%, thậm chí 0% để giảm sản lượng xuất khẩu thép. Trong khi đó nền kinh tế toàn cầu đang phục hồi, đồng nghĩa nhu cầu về thép của thế giới tăng trong khi công suất thép toàn cầu năm nay chưa thể phục hồi như trước đại dịch. Vì vậy giá thép trong ngắn hạn chưa thể giảm ngay được. Nhiều doanh nghiệp thép VN hiện đang nhập nguyên liệu với giá cao để dự trữ thêm tuy nhiên đây cũng là bước đi phù hợp trong tình hình giá nguyên liệu đang tăng lên liên tục như hiện nay. Gần như có thể chắc chắn lợi nhuận của các doanh nghiệp thép VN sẽ tiếp tục bùng nổ trong quý 2 so với cùng kỳ và thậm chí đến quý 3 năm nay vì vậy giá cổ phiếu trên sàn sẽ khó điều chỉnh sâu.

Vnindex 1,256.04

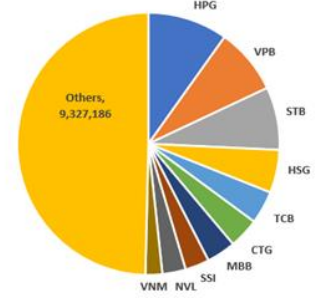
▼ -3.54 (-0.28%)

Biến động Big Cap

CP	Giá	+/-	%
VIB	61.3	2,300	3.90
HVN	27.6	1,000	3.76
GVR	25.3	600	2.43
BID	42.1	700	1.69
STB	24.7	350	1.44
SAB	152.2	1,700	1.13
VPB	63.0	700	1.12
POW	12.3	100	0.82
PNJ	94.0	400	0.43
NVL	128.5	-	-
MSN	101.5	(100)	(0.10)
VJC	119.0	(200)	(0.17)
BVH	56.0	(100)	(0.18)
VCB	97.9	(200)	(0.20)
TPB	31.0	(100)	(0.32)
MWG	137.5	(600)	(0.43)
BCM	54.7	(300)	(0.55)
PLX	53.0	(300)	(0.56)
PDR	69.5	(400)	(0.57)
DHG	98.2	(600)	(0.61)
FPT	85.2	(600)	(0.70)
GAS	85.3	(700)	(0.81)
ACB	35.8	(400)	(1.10)
VHM	98.0	(1,100)	(1.11)
VIC	131.0	(1,500)	(1.13)
CTG	44.2	(600)	(1.34)
SSI	34.2	(500)	(1.44)
MBB	32.7	(500)	(1.51)
HPG	62.0	(1,000)	(1.59)
VNM	91.2	(1,800)	(1.94)
TCB	47.0	(1,100)	(2.29)
VRE	31.0	(750)	(2.36)
HDB	30.0	(800)	(2.60)
REE	54.9	(1,800)	(3.17)



Top giá trị giao dịch (tỷ VND)

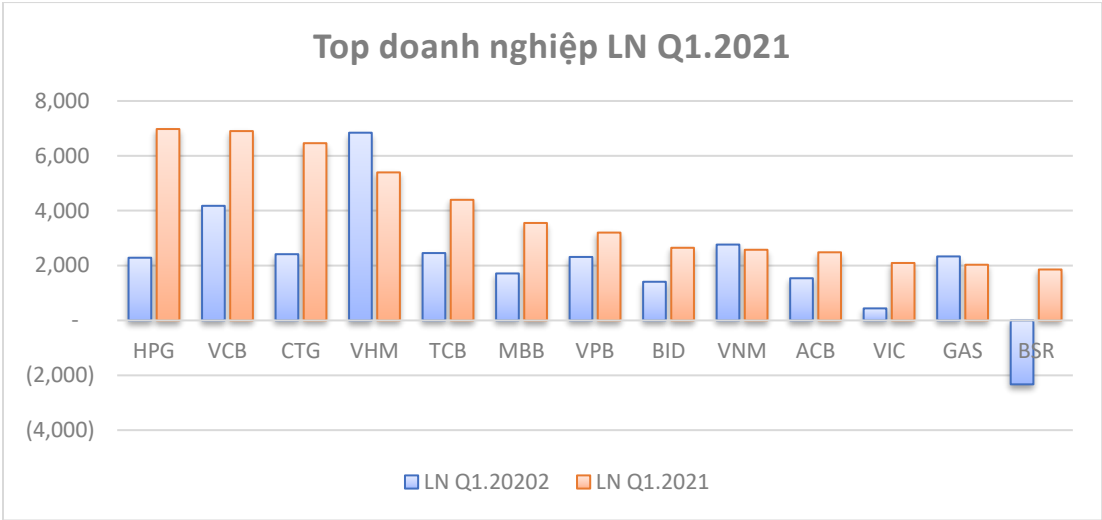


Chỉ số Vnindex tỏ ra suy yếu sau khi chạm lại vùng kháng cự mạnh quanh 1270 là đỉnh cũ cách đây 2 tuần. Khả năng vượt đỉnh và tiến đến 1300 là hoàn toàn có khả năng nếu như có sự đồng thuận từ nhóm cổ phiếu ngân hàng và một số blue chip quan trọng. Dòng tiền vào thị trường tiếp tục luân chuyển giữa các nhóm cổ phiếu lớn ngân hàng, thép, bất động sản với khối lượng lớn vì vậy khả năng thị trường điều chỉnh sâu là thấp. Vì vậy có thể xem những nhịp giảm điểm là cơ hội để các nhà đầu tư ngắn hạn tham gia tích lũy cổ phiếu. Chúng tôi vẫn ưu tiên nắm giữ cổ phiếu hai nhóm ngành chính ngân hàng và thép với tỷ trọng cao trong danh mục hiện tại.

Ticker	Close	% so với tuần trước	Hỗ trợ	Kháng Cự	Vùng Mua	Ngày đưa vào DM	Lãi / Lỗ
NKG	31.5	14.5	17	23	Mua quanh 18-19. Mục tiêu 35	3/3/2021	65.8%
CTG	44.2	2.8	30	40	Nắm giữ. Mục tiêu 50	2/3/2021	26.6%
OCB	23.9		18	30	Mua quanh 20. Mục tiêu 28	2/3/2021	13.8%
HPG	62.0	3.7	38	50	Mua quanh 38-40. Mục tiêu 70	2/3/2021	47.6%
MWG	137.5	(1.4)	120	150	Mua quanh 115-120. Mục tiêu 150	2/3/2021	7.8%
STB	24.7	2.3	15	22	Mua quanh 16-17. Mục tiêu 27	2/3/2021	37.2%
DIG	27.7	2.6	30	38	Mua quanh 32. Mục tiêu 38	3/22/2021	-6.1%
D2D	53.6	3.1	52	65	Mua quanh 52-53. Mục tiêu 65	5/4/2021	3.1%
SZC	34.8	2.7	32	44	Mua quanh 33-34. Mục tiêu 40	5/4/2021	3.9%
PET	21.9	6.8	20	25	Mua quanh 20, mục tiêu 27	5/4/2021	11.2%
KBC	35.9	(4.4)	32	46	Mua quanh 37, mục tiêu 50	5/4/2021	-3.0%
PNJ	96.0	(1.3)	75	90	Chốt lãi	2/3/2021	15.8%
MBB	32.7	4.6	20	27	Chốt lãi quanh 33-35	2/3/2021	34.6%
FPT	85.2	2.8	55	75	Chốt lãi	2/3/2021	21.7%
VPB	63.0	5.9	30	40	Chốt lãi	2/3/2021	77.5%
HSG	37.8	12.4	18	28	Chốt lãi	2/3/2021	58.2%
DGW	130.0	4.2	90	120	Chốt lãi	3/3/2021	30.0%

Chốt lời

Tổng hợp kết quả kinh doanh Q1.2021



Đến nay đã có trên 1000 doanh nghiệp trên 3 sàn chứng khoán công bố kết quả lợi nhuận Quý 1. Lợi nhuận chung năm nay các doanh nghiệp tăng trưởng rất mạnh đến gần gấp đôi so với cùng kỳ. Ở nhóm đầu bảng ấn tượng nhất là HPG với lợi nhuận tăng mạnh đến gần 7000 tỷ chỉ riêng quý 1. Cùng với HPG còn có VCB, CTG, TCB, MBB, VIC, BSR có lợi nhuận tăng trưởng đột phá so với cùng kỳ.

Phía doanh nghiệp lỗ nhiều nhất quý 1 có HVN có mức lỗ đến -4,890 tỷ quý 1, một số doanh nghiệp cũng lỗ mạnh quý 1 có MSR, VGI, DHB, PVD.

Những nhóm ngành ngân hàng, chứng khoán, thép, phân đạm là những nhóm ngành nổi bật nhất quý 1 năm nay với nhiều doanh nghiệp có mức lợi nhuận tăng trưởng tăng bằng lần. Những nhóm ngành thép, ngân hàng, chứng khoán, phân phối bán lẻ tiếp tục sẽ gặt hái nhiều kết quả khả quan trong quý 2 năm nay vì vậy nhà đầu tư tiếp tục ưu tiên nhóm cổ phiếu của các ngành này.

Sector	DN	Lợi nhuận Q1.2020	Lợi nhuận Q1.2021	%
Bán lẻ L2	17	1,290.4	1,578.8	22.4%
Bảo hiểm L2	11	500.2	1,162.1	132.4%
Bất động sản L2	90	8,861.9	13,336.0	50.5%
Công nghệ Thông tin L2	19	805.2	949.2	17.9%
Dầu khí L2	9	(4,436.8)	2,740.5	
Dịch vụ tài chính L2	39	72.6	3,516.7	4745.2%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt L2	100	3,771.3	5,378.6	42.6%
Du lịch và Giải trí L2	32	(3,384.0)	(4,838.1)	
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp L2	146	2,981.5	4,544.8	52.4%
Hàng cá nhân & Gia dụng L2	48	1,137.1	1,517.7	33.5%
Hóa chất L2	52	717.6	2,084.0	190.4%
Ngân hàng L2	26	23,265.1	41,352.7	77.7%
Ô tô và phụ tùng L2	11	140.5	290.5	106.8%
Tài nguyên Cơ bản L2	74	2,577.2	9,259.5	259.3%
Thực phẩm và đồ uống L2	86	5,491.0	6,478.2	18.0%
Truyền thông L2	28	71.6	139.4	94.5%
Viễn thông L2	5	1,314.9	(202.3)	
Xây dựng và Vật liệu L2	202	1,907.6	3,225.7	69.1%
Y tế L2	35	745.3	707.1	-5.1%
Tổng Cộng	1030	47,830.0	93,220.8	94.9%

Tổng hợp kế hoạch kinh doanh nhóm ngân hàng

Cổ phiếu	Kế hoạch 2021	VDL (tỷ VND)	LN 2020 (tỷ VND)	EPS	Lợi nhuận Q1.2021	Lợi Nhuận 2020.Q1	yoy
BID	Tăng trưởng huy động vốn phù hợp với sử dụng vốn, dự kiến tăng trưởng 12%-15%. Tăng trưởng dư nợ tín dụng năm 2021 của BIDV dự kiến tăng trưởng 10%-12%; tỷ lệ nợ xấu kiểm soát không vượt 1,6%. Lợi nhuận trước thuế hợp nhất dự kiến đạt 13.000 tỷ đồng, tăng hơn 40% so với năm 2020. Chia cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 12,2%	40,220	9,026	2,137	3,250	1,814	79%
CTG	Kế hoạch tăng trưởng dư nợ tín dụng 6-12%, vốn huy động từ tổ chức kinh tế và dân cư phù hợp với sử dụng vốn dự kiến 8-12%. năm 2021, Ngân hàng đặt mục tiêu tăng trưởng lợi nhuận từ 10 - 20%, tỷ lệ nợ xấu kiểm soát dưới 2%. VietinBank lấy ý kiến cổ đông tăng vốn điều lệ lên 48.000 tỷ đồng thông qua phát hành hơn 1 tỷ cổ phiếu để trả cổ tức, tương đương tỷ lệ gần 28,8%	37,234	17,085	4,640	7,500	2,974	152%
VCB	Vietcombank được NHNN giao hạn mức tăng trưởng tín dụng 10,5% và có thể tăng khoảng 14%, cao nhất trong khối ngân hàng quốc doanh (chỉ khoảng 6 - 7,5%). Kế hoạch LN trước thuế năm 2021 khoảng 25,200 tỷ	37,089	23,050	5,354	7,000	5,223	34%
TCB	Kế hoạch lợi nhuận trước thuế năm nay là 19.800 tỷ đồng, tăng 25,3% so với kết quả năm 2020. Dư nợ tín dụng dự kiến đạt gần 356.200 tỷ đồng, tăng trưởng ít nhất 12%. Giá trị huy động vốn (bao gồm chứng chỉ tiền gửi cho khách hàng cá nhân) dự kiến đạt 334.291 tỷ đồng, tăng trưởng ít nhất 14,7%.	35,049	15,800	4,264	6,000	3,121	92%
MBB	Năm 2021, MB đặt mục tiêu tăng lợi nhuận 25 – 30%, tương đương 14.610 tỷ đồng. Tỷ lệ nợ xấu của ngân hàng riêng lẻ tại thời điểm cuối quý 1 khoảng 1,14%, so với mức 1,46% cùng kỳ. Tỷ lệ dự phòng bao nợ xấu gần 150% (tức là 100 đồng nợ xấu thì ngân hàng dự phòng gần 150 đồng).	27,988	10,688	3,742	4,600	2,196	109%
VPB	Thương vụ thoái vốn khỏi FE Credit của VPBank có thể được hoàn thành trong nửa đầu trong năm 2021 với mức định giá cổ phiếu vào khoảng 3 - 4 lần giá trị sổ sách. Việc bán 49% vốn tại FE Credit sẽ mang về khoản lãi sau thuế 21.000 tỷ đồng. Số tiền này không được ghi nhận như một khoản thu nhập trong kết quả kinh doanh nhưng sẽ làm gia tăng nguồn vốn tự có và giảm chi phí vốn bình quân cho VPBank.	25,300	13,019	4,461	4,000	2,911	37%
ACB	ACB đặt mục tiêu tăng trưởng tín dụng 9% và tăng vốn điều lệ lên 27.019 tỷ đồng thông qua chia cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 25%. tổng tài sản tăng 10%, tiền gửi khách hàng và tín dụng đều tăng 9%. Lợi nhuận sau thuế dự kiến là 8.482 tỷ đồng. Tỷ lệ nợ xấu kiểm soát dưới 2%.	21,616	9,596	3,986	3,100	1,925	61%

HDB	HDBank (HDB) đặt mục tiêu lợi nhuận trước thuế 7.281 tỷ đồng, tăng 25% so với năm trước. Tổng tài sản dự kiến tăng 25% đạt 399.320 tỷ đồng, trong đó dư nợ tín dụng tăng 26% đạt 236.758 tỷ đồng và tổng huy động vốn tăng 25% lên 359.851 tỷ đồng. Ngân hàng cũng trình kế hoạch tăng vốn điều lệ thêm hơn 4.200 qua chia cổ tức bằng cổ phiếu tỷ lệ 25%. Ngân hàng sẽ trình xin ý kiến các cổ đông về việc chấm dứt việc sáp nhập với PGBank	16,088	5,818	3,042	1,550	1,251	24%
SSB	SeABank (SSB) đặt mục tiêu lãi trước thuế 2.414 tỷ đồng, tăng 40% so với thực hiện năm trước. Tổng tài sản đến cuối năm lên kế hoạch tăng 10%, đạt 198.229 tỷ đồng. Huy động tiền gửi của khách hàng ở mức 124.277 tỷ đồng, dư nợ cho vay khách 122.978 tỷ đồng, lần lượt tăng 9,7% và 13%. Tỷ lệ nợ xấu dự kiến duy trì dưới 3%.	12,087	1,729	1,402	698	309	126%
MSB	kế hoạch kinh doanh năm 2021 lợi nhuận trước thuế đạt 3.280 tỷ đồng, tăng 30%. Tổng tài sản tính đến cuối năm 2021 mục tiêu đạt 190.000 tỷ đồng, tăng 8%. Trong đó, dư nợ tín dụng đạt 106.208 tỷ đồng, tăng 125%. Vốn huy động tại thị trường I và trái phiếu huy động vốn đạt 114.105 tỷ đồng, tăng 15%. Tỷ lệ nợ xấu kiểm soát dưới 3%.	11,750	2,523	2,338	1,200	290	314%
VIB	VIB đặt kế hoạch tăng trưởng tổng tài sản 26%, đưa tài sản của ngân hàng lên trên 300.000 tỷ đồng. Dư nợ tín dụng lên 225.000 tỷ đồng, tương đương 31%. Mục tiêu lợi nhuận trước thuế tăng trưởng 29%, lên trên 7.500 tỷ đồng. VIB dự kiến tăng vốn bằng hình thức chia cổ phiếu thưởng từ nguồn vốn chủ sở hữu 40% và dự kiến phát hành chào bán cổ phiếu. Vốn điều lệ dự kiến sau các phương án tăng vốn này là khoảng 16.000 tỷ đồng,	11,094	5,803	4,706	1,800	1,075	67%
OCB	Ngân hàng xác định mục tiêu tăng trưởng tổng tài sản khoảng 25% và lợi nhuận tăng 30% khoảng trên 5700 tỷ. Mục tiêu tăng trưởng tín dụng khoảng 20%. Tiếp tục bán vốn cho NĐTNN. Tỷ lệ nắm giữ của nhà đầu tư nước ngoài tại OCB là 20,13% trong khi room ngoại của ngân hàng đang được khoá ở ngưỡng 22%.	10,959	4,419	3,349	1,275	1,107	15%
TPB	TPBank (HoSE: TPB) đặt mục tiêu lợi nhuận trước thuế 5.500 tỷ đồng, tăng 25% so với thực hiện năm trước. Tổng tài sản lên kế hoạch tăng 21% ở mức 250.000 tỷ đồng. Tổng huy động đặt mục tiêu tăng 20% lên 221.893 tỷ đồng. Dư nợ cho vay và trái phiếu tổ chức kinh tế lên mục tiêu tăng 25% lên 165.434 tỷ đồng, tùy thuộc vào mức Ngân hàng Nhà nước cho phép. Tỷ lệ nợ xấu kế hoạch duy trì dưới 2%.	10,717	4,389	3,568	1,400	1,009	39%

EPS: Cập nhật đến Q1.2021

HERE'S THE TOP NEWS COMPANY

Top tăng giá HOSE

DGW	5.08
BMC	5.19
DAH	5.21
TV2	5.26
HSL	5.43
HHS	5.54
SBT	5.77
TMS	6.25
TNC	6.76
HBC	6.78
TSC	6.78
FTM	6.80
LSS	6.82
PXT	6.90
ROS	6.99
KSH	7.41

Top tăng giá HNX

CDN	7.55
FID	7.89
PGT	8.89
TXM	8.93
CET	8.93
HEV	9.15
MEL	9.70
HVA	10.81
KHB	11.11

BCM - Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP - Dựa vào các yếu tố trên cùng tình hình thực tế tại doanh nghiệp, BCM đề ra mục tiêu đạt 8.900 tỷ đồng doanh thu và 2.300 tỷ đồng lãi sau thuế trong năm 2021, lần lượt tăng 15% và 5%.

TS4 - CTCP Thủy sản số 4 - Ngày 07/5, Sở giao dịch Chứng khoán TP.HCM (HOSE) đã có quyết định đưa cổ phiếu vào diện kiểm soát đặc biệt kể từ ngày 14/5/2021. Nguyên nhân do, Công ty tiếp tục vi phạm công bố thông tin sau khi đã bị đưa vào diện cảnh báo trước đó.

TCH - CTCP Đầu tư Dịch vụ Tài chính Hoàng Huy - Thông báo, bắt đầu đăng ký bán toàn bộ hơn 9,72 triệu cổ phiếu quỹ hiện có từ ngày 19/5 đến 17/6 theo phương thức thỏa thuận và khớp lệnh.

TYA - CTCP Dây cáp điện Taya Việt Nam - Ngày 10/5, HĐQT đã có nghị quyết thông qua việc trả cổ tức năm 2020 bằng tiền mặt theo tỷ lệ 17,5%. Ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông nhận cổ tức dự kiến là 16/6/2021 và thanh toán bắt đầu từ ngày 07/7/2021.

PPC - CTCP Nhiệt điện Phả Lại - Ngày 17/5 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức đợt 3 năm 2020 ngày đăng ký cuối cùng là 18/5. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 18,94%, thanh toán bắt đầu từ ngày 03/6/2021.

CLW - CTCP Cấp nước Chợ Lớn - Ngày 02/6 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức năm 2020 ngày đăng ký cuối cùng là 03/6. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 12%, thanh toán bắt đầu từ ngày 19/7/2021.

SMC - CTCP Đầu tư Thương mại SMC - Ngày 03/6 là ngày giao dịch không hưởng quyền nhận cổ tức đợt cuối năm 2020, ngày đăng ký cuối cùng là 04/6. Theo đó, cổ tức sẽ được trả bằng tiền mặt theo tỷ lệ 5%, thanh toán bắt đầu từ ngày 18/6/2021.

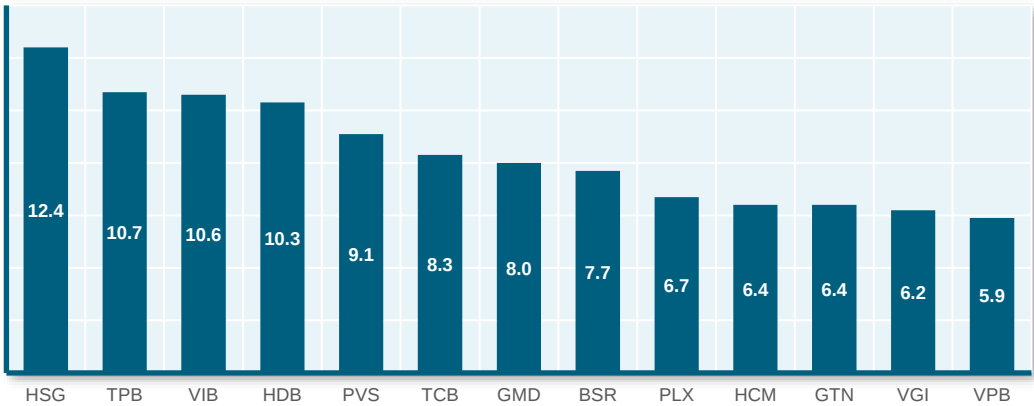
GEG - CTCP Điện Gia Lai – Đã thông qua phương án phát hành hơn 21,69 triệu cổ phiếu mới, bao gồm - Chào bán hơn 16,27 triệu cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và hơn 5,42 triệu cổ phiếu ESOP, với giá đều là 10.000 đồng/cổ phiếu.

PLX - Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam - Ngày 06/5, HĐQT đã có nghị quyết thông qua việc bán 25 triệu cổ phiếu quỹ theo phương thức khớp lệnh. Chi tiết sẽ được thông báo sau.

D2D - CTCP Phát triển đô thị Công nghiệp Số 2 - Ngày 07/5, HĐQT đã có nghị quyết thông qua việc chi trả cổ tức đợt 2 năm 2020 bằng tiền mặt theo tỷ lệ 20%. Ngày đăng ký cuối cùng chốt danh sách cổ đông nhận cổ tức vào 24/5/2021 và thanh toán bắt đầu từ ngày 10/6/2021.



Top cổ phiếu tăng mạnh 5 phiên gần nhất



Thống kê nhóm cổ phiếu ngân hàng:

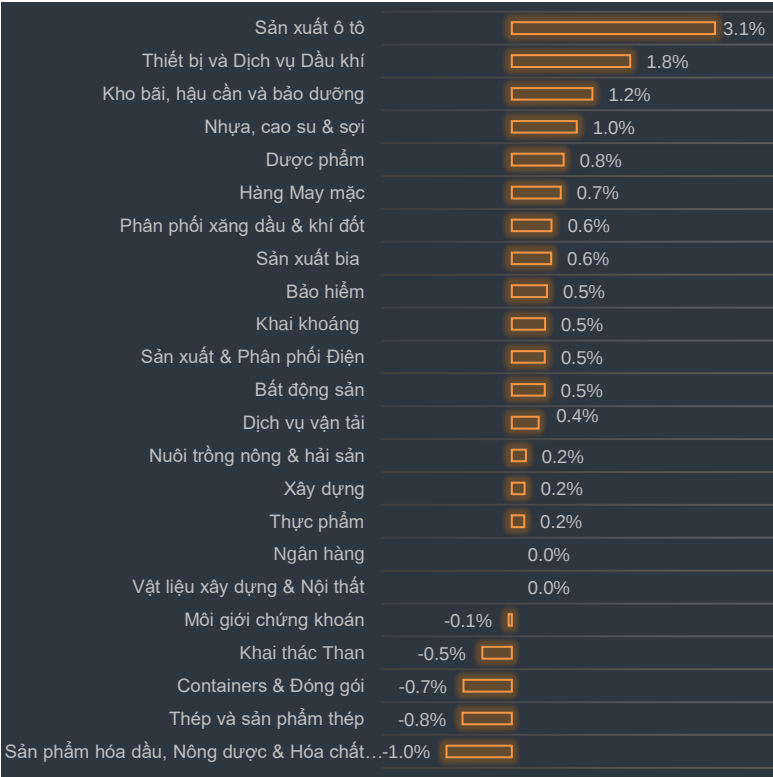
Mã CK	Sàn	Giá đóng cửa	KLGD	P/E	P/B	KL NN Mua	KL NN Bán	Vốn hóa (tỷ VND)	Tỷ lệ nắm giữ	EPS	Book Value
ABB	HOSE	17.8	3,986,339	8.0	1.1	-	-	10,169	30.00	2,218	16,320
ACB	HOSE	35.8	9,777,000	8.1	2.0	3,000,000	3,000,000	77,384	30.00	4,419	17,547
BAB	HNX	25.3	59,310	26.9	2.1	-	-	17,925	-	939	12,064
BID	HOSE	42.1	5,349,300	20.0	2.1	27,300	467,000	169,327	16.78	2,103	20,453
CTG	HOSE	44.2	15,717,800	9.3	1.8	36,400	377,400	164,574	25.88	4,761	24,665
EIB	HOSE	25.7	445,400	36.0	1.9	14,200	19,100	31,596	29.83	713	13,822
HDB	HOSE	30.0	5,377,400	7.4	1.8	290,400	129,500	47,813	17.42	4,066	16,572
LPB	UPCOM	21.7	20,851,300	9.7	1.5	33,300	1,247,900	23,266	4.67	2,239	14,059
MBB	HOSE	32.7	20,385,100	8.4	1.7	1,663,500	1,128,400	91,519	23.03	3,912	19,196
MSB	HOSE	23.0	13,380,100	9.4	1.5	4,300,200	5,600	26,553	29.57	2,436	15,368
NVB	HNX	16.2	4,851,757		1.5	32,700	1,100	6,590	8.74	27	10,532
OCB	HOSE	23.9	3,290,000	7.2	1.4	120,500	63,500	26,192	15.00	3,341	16,848
SHB	HNX	23.5	18,388,718	11.7	1.6	4,680	300,100	41,137	3.96	2,013	14,631
SSB	HOSE	28.0	942,400	21.0	2.4	-	-	33,845	-	1,331	11,769
STB	HOSE	24.7	58,012,000	16.5	1.5	3,221,400	1,399,100	44,460	11.71	1,495	16,485
TCB	HOSE	47.0	16,021,800	11.5	2.1	74,900	74,900	164,731	22.49	4,074	22,566
TPB	HOSE	31.0	9,406,500	7.1	1.8	-	10,000	31,981	30.00	4,354	17,399
VCB	HOSE	97.9	1,171,500	17.2	3.6	238,400	438,400	363,099	23.39	5,708	27,234
VIB	HOSE	61.3	1,352,500	11.6	3.5	22,200	1,500	68,005	20.48	5,297	17,420
VPB	HOSE	63.0	24,541,400	13.6	2.8	3,456,100	655,300	154,649	21.71	4,628	22,811
			233,307,624	13.72	1.98	16,536,180	9,318,800	1,594,817		3,004	17,388



Lịch trả cổ tức:

STT	Mã CK	Sàn	Ngày GDKHQ ▼	Ngày ĐKCC	Ngày thực hiện	Nội dung sự kiện	Loại Sự kiện
1	VHL	HNX	27/05/2021	28/05/2021	6/7/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 2,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
2	PEN	HNX	25/05/2021	26/05/2021	24/06/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
3	CMK	UPCoM	25/05/2021	26/05/2021	14/06/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
4	TDN	HNX	24/05/2021	25/05/2021	10/6/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 800 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
5	TIX	HOSE	19/05/2021	20/05/2021	25/06/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 1,250 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
6	PTG	UPCoM	19/05/2021	20/05/2021	4/6/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
7	SPA	UPCoM	19/05/2021	20/05/2021	30/07/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 600 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
8	FHN	UPCoM	19/05/2021	20/05/2021	1/6/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 400 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
9	CLH	HNX	19/05/2021	20/05/2021	28/05/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
10	TDB	UPCoM	19/05/2021	20/05/2021	28/05/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
11	MTP	UPCoM	19/05/2021	20/05/2021	10/6/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
12	HKP	UPCoM	17/05/2021	18/05/2021	31/05/2021	Trả cổ tức năm 2017 bằng tiền, 23 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
13	HKP	UPCoM	17/05/2021	18/05/2021	31/05/2021	Trả cổ tức năm 2018 bằng tiền, 222 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
14	HKP	UPCoM	17/05/2021	18/05/2021	31/05/2021	Trả cổ tức năm 2019 bằng tiền, 154 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
15	HKP	UPCoM	17/05/2021	18/05/2021	31/05/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,002 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
16	TVD	HNX	17/05/2021	18/05/2021	28/05/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 700 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
17	HTC	HNX	14/05/2021	17/05/2021	3/6/2021	Trả cổ tức đợt 4/2020 bằng tiền, 300 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
18	VGG	UPCoM	14/05/2021	17/05/2021	3/6/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
19	CLM	HNX	14/05/2021	17/05/2021	4/6/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
20	CCR	UPCoM	14/05/2021	17/05/2021	31/05/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 700 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
21	BGW	UPCoM	14/05/2021	17/05/2021	21/06/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 424 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
22	TB8	UPCoM	14/05/2021	17/05/2021	4/6/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
23	FUCTVGF2	HOSE	13/05/2021	14/05/2021	26/05/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 2,000 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
24	GIC	HNX	13/05/2021	14/05/2021	27/05/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,200 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
25	DRL	HOSE	13/05/2021	14/05/2021	27/05/2021	Trả cổ tức đợt 4/2020 bằng tiền, 1,780 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
26	DRL	HOSE	13/05/2021	14/05/2021	27/05/2021	Trả cổ tức đợt 1/2021 bằng tiền, 220 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
27	PPY	HNX	13/05/2021	14/05/2021	4/6/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 650 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt
28	VDT	UPCoM	13/05/2021	14/05/2021	28/05/2021	Trả cổ tức năm 2020 bằng tiền, 1,500 đồng/CP	Trả cổ tức bằng tiền mặt

Tăng giảm ngành trong ngày



Các CP tăng tốt nhất theo từng nhóm ngành:

Bất động sản:

FDC, API, BII

Xây dựng:

PXT, HBC, ROS

Dầu khí:

PMG, ASP, PVC

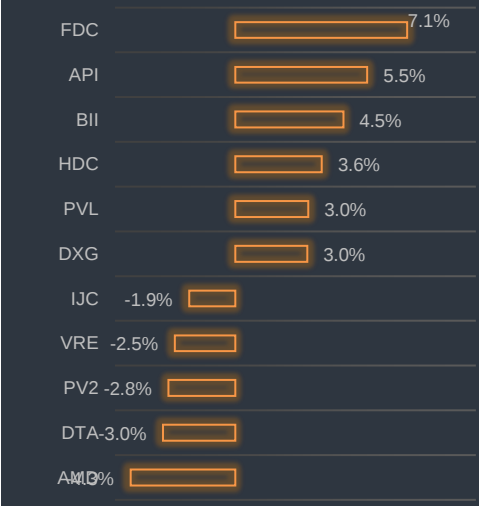
Chứng khoán:

FTS, TVS, SBS

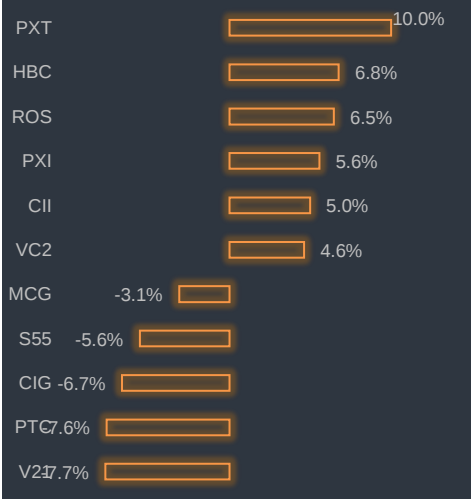
Ngân hàng:

VIB, EIB, MSB

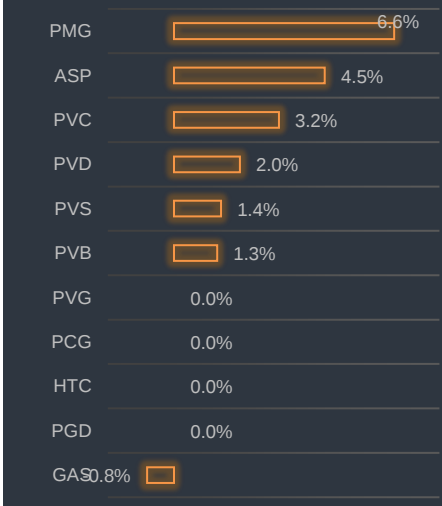
Bất động sản



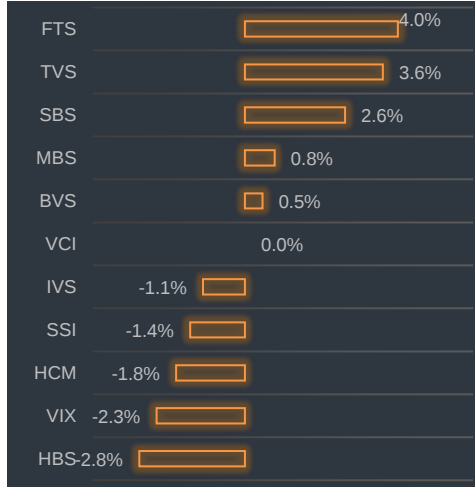
Xây dựng



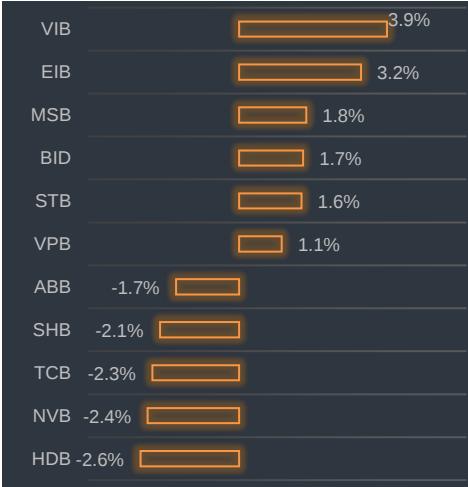
Dầu khí



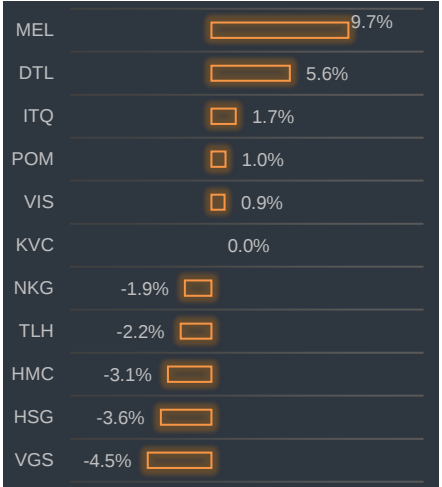
Chứng khoán



Ngân hàng



Thép





BP Phân tích

Head: Nguyễn Hồng Khanh
khanhnh@vise.com.vn

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi VIS để phân phối tại Việt Nam và quốc tế. Các ý kiến và dự báo chỉ thể hiện quan điểm của người viết tại thời điểm phát hành và có thể thay đổi mà không cần thông báo. Chúng tôi chỉ sử dụng những thông tin và quan điểm được cho là đáng tin cậy nhất, tuy nhiên chúng tôi không bảo đảm tuyệt đối tính chính xác và đầy đủ của những thông tin trên. Những quan điểm cá nhân trong báo cáo này đã được cân nhắc cẩn thận dựa trên những nguồn thông tin chúng tôi cho là tốt nhất và hợp lý nhất trong thời điểm viết báo cáo. Tuy nhiên những quan điểm trên có thể thay đổi bất cứ lúc nào, do đó chúng tôi không chịu trách nhiệm phải thông báo cho nhà đầu tư.

Công ty VIS cũng như các công ty con và toàn thể cán bộ công nhân viên hoàn toàn có thể tham gia đầu tư hoặc thực hiện các nghiệp vụ ngân hàng đầu tư đối với cổ phiếu được đề cập trong báo cáo này. Các thông tin cũng như ý kiến trong báo cáo không mang tính chất mời chào mua hay bán bất cứ chứng khoán, quyền chọn, hợp đồng tương lai hay công cụ phái sinh nào. Nhà đầu tư cần nhắc kỹ lưỡng việc sử dụng thông tin cũng nhưng các dự báo tài chính trong tài liệu trên, và VIS không chịu trách nhiệm với bất kỳ khoản lỗ trực tiếp hoặc gián tiếp nào do sử dụng những thông tin đó.

Tài liệu này chỉ nhằm mục đích lưu hành trong phạm vi hẹp vì vậy không được phép sao chép, tái sản xuất, phát hành cũng như tái phân phối bất kỳ nội dung nào của báo cáo vì bất kỳ mục đích nào nếu không có văn bản chấp thuận của VIS.

VISecurities
CHỨNG KHOÁN QUỐC TẾ VIỆT NAM

Tầm nhìn mới, Giá trị mới

Công ty Cổ phần Chứng khoán Quốc tế Việt Nam (Hội Sở)

Tầng 3, 59 Quang Trung, Quận Hai Bà Trưng - Hà Nội

Tel: 024 710 888 48, Fax: 024 3944 5889

<https://www.vise.com.vn>

Chi nhánh TP Hồ Chí Minh

Tầng 2, tòa nhà Savimex, Số 194 Nguyễn Công Trứ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Tel: 028.7108 8848

Fax: 028 3915 2931